

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT  
VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 42

11/11  
C  
KI  
C  
/

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 1. Thông tin chung

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) từ ngày 18 tháng 05 năm 2011.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649476, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 07 năm 2010 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được UBCK chấp nhận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 119/UBCK-GSĐC ngày 09 tháng 01 năm 2017, cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là PEG được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 19/2018/GCNCP-VDS ngày 11 tháng 04 năm 2018 với số lượng chứng khoán đăng ký là 248.877.470 cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn thực góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.600.000.000.000 VND và 2.488.774.701.456 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 2.600.000.000.000 VND và 2.488.774.701.456 VND).

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028. 3930 3633 – 3930 3299
- Fax : 028. 3930 5686 – 3930 5991

Các chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu An Hải
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Thái Bình
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Định
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Quảng Trị
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Quảng Nam
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu Hoà Hiệp Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Cần Thơ
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Tây Ninh
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Vĩnh Long
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu Petec Cái Mép
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Sài Gòn
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Ninh Thuận
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Long An
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hậu Giang
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Cà Mau
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Thuận
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Vũng Tàu
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Trà Vinh
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Phước
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Lâm Đồng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Dương
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Đồng Tháp

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ;
- Xuất nhập khẩu phân bón;
- Cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu);
- Đại lý tiêu thụ hàng hoá, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy;
- Sản xuất dầu mỡ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở);
- Xuất nhập khẩu phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê.

Ngày 31 tháng 05 năm 2013, Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 3584/QĐ-BCT thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Trong năm 2021, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu.

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch (miễn nhiệm 21/06/2021)
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Chủ tịch (bổ nhiệm 22/06/2021)
Ông Trần Văn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Sơn	Thành viên (miễn nhiệm 03/12/2021)
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên
Bà Dương Thị Loan	Thành viên

### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Anh Tuấn	Trưởng ban
Bà Diệp Thu Thủy	Thành viên
Bà Vương Bích Tuyền	Thành viên (từ ngày 27/04/2021)

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Văn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thu Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 19/07/2021 – miễn nhiệm 31/12/2021)

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Văn Dương	Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết năm kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có số dư Nợ ngắn hạn lớn hơn số dư Tài sản ngắn hạn là 233.991.024.964 VND, trong đó khoản phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (công ty mẹ) là 606.899.124.830 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và thanh toán nợ đến hạn. Vào ngày phát hành báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai và Công ty đảm bảo đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

### 8. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông TRẦN VĂN DƯƠNG  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 2 năm 2022



Số: /2022/BCKT-HCM.01072

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày tháng năm 2022, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 05 năm 2011 (thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần) với số tiền là 169.785.513.359 VND. Khoản phải thu khác này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 18 tháng 05 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán. Do đó, chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị sẽ được quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên Báo cáo tài chính hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.14 của Thuyết minh báo cáo tài chính: tại ngày 24 tháng 10 năm 2017, Kiểm toán Nhà nước ra thông báo số 836/TB-KKNN về việc truy thu thuế bảo vệ môi trường giai đoạn 2015 – 2016 tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam, trong đó số tiền truy thu đối với Công ty (là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam) là 13.880.150.000 VND. Theo đó, ngày 14 tháng 11 năm 2017 Công ty đã có Văn bản số 005166/PTC-TCKT gửi Kiểm toán Nhà nước về việc giải trình số tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường, Công văn số 005346/PTC-TCKT ngày 27 tháng 11 năm 2017 gửi Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc phúc đáp Công văn số 15818/TB-CT ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc nộp thuế bảo vệ môi trường theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Công ty tiếp tục gửi Công văn số 002991/PTC-TCKT ngày 21 tháng 06 năm 2019 đến Kiểm toán Nhà nước kiến nghị liên quan đến vấn đề này và ngày 11 tháng 11 năm 2019 Công ty nhận được công văn số 13286/CT-TTHT từ Cục thuế TP. Hồ Chí Minh trả lời về việc kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa hạch toán khoản tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường nêu trên mà chờ kết quả xử lý kiến nghị.

Như đã nêu tại mục 9.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có số dư Nợ ngắn hạn lớn hơn số dư Tài sản ngắn hạn là 233.991.024.964 VND, trong đó khoản phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (công ty mẹ) là 606.899.124.830 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và thanh toán nợ đến hạn. Vào ngày phát hành báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động không có lãi trong tương lai và Công ty đảm bảo đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn. Do vậy, các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 2 năm 2022

**NGUYỄN THỊ THANH MINH**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>465.372.487.686</b>	<b>380.115.722.418</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>33.915.440.292</b>	<b>25.142.209.764</b>
Tiền	111		33.915.440.292	25.142.209.764
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>278.552.397.534</b>	<b>285.731.234.899</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	731.012.663.729	732.844.481.455
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.222.383.741	5.787.827.832
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	188.653.468.342	192.029.795.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(643.336.368.184)	(644.930.869.388)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.4	249.906	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>147.270.216.948</b>	<b>65.318.473.829</b>
Hàng tồn kho	141		147.270.216.948	65.318.473.829
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.634.432.912</b>	<b>3.923.803.926</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.801.995.823	1.293.042.503
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.832.437.089	2.630.761.423
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>971.032.309.467</b>	<b>986.923.348.561</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.082.500.000</b>	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		2.082.500.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>553.239.836.063</b>	<b>563.555.302.432</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	289.815.021.174	300.228.528.411
Nguyên giá	222		654.888.030.316	642.266.652.090
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(365.073.009.142)	(342.038.123.679)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	1.127.033.400	-
Nguyên giá	225		1.163.389.317	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(36.355.917)	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	262.297.781.489	263.326.774.021
Nguyên giá	228		275.888.122.114	275.888.122.114
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.590.340.625)	(12.561.348.093)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>58.732.930.892</b>	<b>58.420.758.213</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	58.732.930.892	58.420.758.213
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.12	<b>109.921.958.229</b>	<b>109.897.598.609</b>
Đầu tư vào công ty con	251		74.447.968.267	74.447.968.267
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.917.867.223	37.917.867.223
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.408.321.443	32.408.321.443
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.852.198.704)	(34.876.558.324)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>247.055.084.283</b>	<b>255.049.689.307</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	247.055.084.283	255.049.689.307
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.436.404.797.153</b>	<b>1.367.039.070.979</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>709.199.917.621</b>	<b>652.324.266.409</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>699.363.512.650</b>	<b>642.264.266.409</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	614.961.136.713	533.917.290.284
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.492.251.600	2.335.374.531
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	64.458.861.241	68.926.504.924
Phải trả người lao động	314		9.814.125.722	9.280.392.216
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		175.000.000	350.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		524.818.183	517.090.910
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	7.070.144.282	5.074.492.007
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	21.980.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(132.825.091)	(116.878.463)
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.836.404.971</b>	<b>10.060.000.000</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	9.070.250.000	10.060.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	766.154.971	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>727.204.879.532</b>	<b>714.714.804.570</b>
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	727.204.879.532	714.714.804.570
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.761.569.821.924)	(1.774.059.896.886)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.774.059.896.886)	(1.675.836.198.055)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.490.074.962	(98.223.698.831)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.436.404.797.153</b>	<b>1.387.039.070.979</b>

**NGUYỄN HẠNH HOÀNG**  
Người lập biểu

**BÙI MINH HIỆP**  
Kế toán trưởng



**TRẦN VĂN DƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 2 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.584.121.032.719	2.155.949.171.405
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	3.584.121.032.719	2.155.949.171.405
Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.390.044.695.508	2.075.430.415.455
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>194.076.337.211</b>	<b>80.518.755.950</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.428.368.126	1.265.039.206
Chi phí tài chính	22	6.4	1.763.460.587	4.247.289.750
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.349.947.634	219.726.570
Chi phí bán hàng	25	6.5	139.134.942.874	137.217.775.344
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	42.275.401.498	39.783.470.547
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>12.330.900.378</b>	<b>(99.464.740.485)</b>
Thu nhập khác	31	6.7	473.430.849	3.770.058.424
Chi phí khác	32	6.8	314.256.265	2.529.016.770
<b>Lợi nhuận/ (lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>159.174.584</b>	<b>1.241.041.654</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.490.074.962</b>	<b>(98.223.698.831)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>12.490.074.962</b>	<b>(98.223.698.831)</b>



**NGUYỄN HẠNH HOÀNG**  
Người lập biểu



**BÙI MINH HIỆP**  
Kế toán trưởng



**TRẦN VĂN DƯƠNG**

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 2 năm 2022

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.490.074.962	(98.223.698.831)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.589.287.284	27.628.963.558
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	(1.618.860.824)	11.296.808.450
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	-	-
Chi phí lãi vay	05	(1.654.545.226)	(4.006.590.548)
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>36.155.903.830</b>	<b>(63.084.790.801)</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	6.225.162.903	62.112.835.933
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(81.951.743.119)	(18.931.964.291)
thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	78.317.555.466	(3.678.403.767)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	6.485.651.704	7.873.995.949
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.349.947.634)	(219.726.570)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>43.882.583.150</b>	<b>(15.928.053.547)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.671.880.092)	(3.595.439.813)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	226.363.636	4.090.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.692.181.590	2.548.256.136
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.753.334.866)</b>	<b>(1.043.092.768)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	229.502.430.000	65.087.560.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(251.402.000.000)	(43.107.560.000)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(456.447.756)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(22.356.017.756)</b>	<b>21.980.000.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>8.773.230.528</b>	<b>5.008.853.685</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>25.142.209.764</b>	<b>20.133.356.079</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>33.915.440.292</b>	<b>25.142.209.764</b>

  
NGUYỄN HANH HOÀNG  
Người lập biểu

  
BÙI MINH HIỆP  
Kế toán trưởng

  
TRẦN VĂN DƯỠNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 2 năm 2022



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước) từ ngày 18 tháng 05 năm 2011.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649476, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 07 năm 2010 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được UBCK chấp nhận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 119/UBCK-GSDC ngày 09 tháng 01 năm 2017, cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là PEG được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 19/2018/GCNCP-VDS ngày 11 tháng 04 năm 2018 với số lượng chứng khoán đăng ký là 248.877.470 cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn thực góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.600.000.000.000 VND và 2.488.774.701.456 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 2.600.000.000.000 VND và 2.488.774.701.456 VND).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, tổ chức kênh bán buôn xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ;
- Xuất nhập khẩu phân bón;
- Cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu);
- Đại lý tiêu thụ hàng hoá, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ, đường thủy;
- Sản xuất dầu mỡ tinh chế (không hoạt động tại trụ sở);
- Xuất nhập khẩu phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê.

Ngày 31 tháng 05 năm 2013, Bộ Công thương đã ban hành Công văn số 3584/QĐ-BCT thu hồi Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**1.5 Cấu trúc của Công ty****Các công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long	346B, Ấp Thanh Mỹ, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	Cho thuê kho chứa xăng dầu, giữ, tiếp nhận, bảo quản và xuất xăng dầu	100%	100%	100%
- Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	03 Hoa Đào, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	58,75%	58,75%	58,75%
- Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (*)	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đại lý kinh doanh xăng dầu	26,00%	>50,00%	26,00%

(\*) Công ty sở hữu vốn tại Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu ("Petec land") là 26% vốn, tuy nhiên Công ty có đa số đại diện trong Hội đồng Quản trị nên chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petec Land, do đó Công ty xem Petec Land là công ty con.

**Các Công ty liên kết**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	389 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh xăng dầu	31,54%	31,54%	31,54%
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	Lô G1-9, KCN Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh kho vận	28,08%	28,08%	28,08%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu An Hải
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Thái Bình
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Định
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Quảng Trị
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Quảng Nam
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu Hoà Hiệp Đà Nẵng

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Cần Thơ
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Tây Ninh
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Vĩnh Long
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP – Xí nghiệp xăng dầu Petec Cái Mép
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Sài Gòn
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Ninh Thuận
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Long An
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Hậu Giang
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Cà Mau
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Thuận
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Vũng Tàu
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Trà Vinh
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Phước
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Lâm Đồng
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Bình Dương
- Chi nhánh Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP tại Đồng Tháp

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 431 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 445 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

25 /  
TY  
ÁI  
N  
X

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

###### **Công ty con**

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### **Công ty liên doanh**

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 12 tháng.

##### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (40 năm).

##### ***Lợi thế kinh doanh***

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 18 tháng 05 năm 2011 số 3076/BB-DKVN ngày 24 tháng 11 năm 2010. Lợi thế kinh doanh được trừ với tiền thuê đất phải nộp hàng năm.

#### **4.8 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20 năm
Tài sản cố định khác	25 năm

#### 4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 năm

#### 4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty không thời hạn không được tính khấu hao.

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### **4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### **4.14 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### **4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **4.17 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### **4.20 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.21 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

##### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.22 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty / đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ cấp cao
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	Công ty con
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	Công ty liên kết
Công ty CP Dầu nhờn PVOIL	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên – Huế	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Công ty cùng tập đoàn
Công ty CP Dầu khí Mê Kông	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tồn quỹ - VND	546.642.209	464.457.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	33.310.217.202	23.340.614.871
- USD	46.951.677	47.412.560
- EUR	7.292.176	7.551.628
- SGD	4.337.028	4.661.563
Tiền đang chuyển	-	1.277.511.800
	<b>33.915.440.292</b>	<b>25.142.209.764</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	<b>Gốc ngoại tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	2.124,47	46.951.677
- EUR	281,10	7.292.176
- SGD	270,01	4.337.028
		<b>58.580.881</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Công ty CP Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	8.904.162.991	8.904.162.991
Công ty CP Cà phê Petec	6.529.302.343	6.584.465.096
Công ty CP Kho vận Petec	4.441.690.984	4.899.901.584
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	2.976.077.567	-
Công ty CP Dầu nhờn PVOil	1.341.211	4.043.636
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	3.352.273	923.699
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	24.990.227	69.102.979
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.590.739	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	11.016.189	93.533.193
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.606.262.832	131.066.323
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	66.208.912	44.387.892
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	7.535.238.890	7.976.475.660
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	30.290.245	2.742.251
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	10.376.850	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	1.745.236.836	6.443.200.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	165.096.064	65.182.945
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	519.338	354.929
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	5.712.080.000	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty CP Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty CP ĐT và PT Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	118.524.357.430
Công ty CP Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty CP Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Các khách hàng khác	282.744.925.962	289.124.035.001
	<b>731.012.663.729</b>	<b>732.844.481.455</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>				
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam				
- Khoản lỗ lũy kế trước cổ phần hoá (*)	169.785.513.359	-	169.785.513.359	-
- Phải thu về cổ phần hoá	498.000.000	-	498.000.000	-
Công ty CP Kho vận Petec	1.182.000.000	-	1.446.000.000	-
Công ty CP Xăng dầu				
Dầu khí Sài Gòn	129.916.060	-	295.009.434	-
Công ty CP Xăng dầu				
Dầu khí Hà Nội	1.914.960.671	-	1.234.446.330	-
Công ty CP Xăng dầu				
Dầu khí Phú Thọ	8.872.490	-	-	-
Công ty CP Thương mại				
Xuất nhập khẩu Thủ Đức	80.402.600	-	81.078.860	-
Công ty CP Xăng dầu				
Dầu khí Vũng Áng	12.694.940	-	50.032.261	-
Công ty CP Dầu khí MêKông	267.176.470	-	53.199.520	-
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>				
Tạm ứng	640.705.542	-	894.908.142	-
Ký cược, ký quỹ	104.500.000	-	160.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (**)	14.028.726.210	-	17.531.107.094	-
	<b>188.653.468.342</b>	<b>-</b>	<b>192.029.795.000</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(\*) Công ty ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 05 năm 2011 (thời điểm Công ty chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần) với số tiền là 169.785.513.359 VND. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 18 tháng 05 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, có các khoản nợ phải thu khác gồm: Công ty CP DV Cảng Đồng Nai: 3.482.934.400 VND, Công ty TNHH Dầu Nam Dũng: 1.873.249.401 VND, Công ty CP Xây dựng Ngọc Hiện: 913.897.600 VND đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**5.4 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Hàng tồn kho (xăng A95)	249.906	-
	<u>249.906</u>	<u>-</u>

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các đối tượng khác</b>				
Công ty CP Dầu khí và				
Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty CP ĐT và PT				
Xăng dầu Tiền Phong	118.524.357.430	-	118.524.357.430	-
Công ty CP Thương mại				
Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty CP Đầu tư				
Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty CP Xăng dầu				
Quốc tế Việt Nam	69.438.325.811	-	69.538.325.811	-
Công ty CP TMDK Vũ Anh	43.257.741.001	-	43.257.741.001	-
Công ty CP Song Phát	26.371.285.621	-	26.371.285.621	-
Công ty CP ĐT & PT				
Cầm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty TNHH DVTM Dầu				
Khí Anh Thủy	12.047.043.901	-	12.047.043.901	-
Công ty TNHH TM & DV				
DK Ninh Bình	8.906.024.795	-	8.906.024.795	-
Chi nhánh Công ty CP				
BDS & KT Xăng Dầu – Hà Nội	8.904.162.991	8.904.162.991	8.904.162.991	8.904.162.991
Công ty CP XDDK				
Nam Định	7.440.353.841	7.440.353.841	7.940.353.841	7.440.353.841
Các đối tượng khác	53.634.030.972	-	54.628.532.176	-
	<u>658.510.612.575</u>	<u>16.344.516.832</u>	<u>660.105.113.779</u>	<u>16.344.516.832</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	644.930.869.388	632.846.402.378
Trích lập / (hoàn nhập) dự phòng trong năm	(1.594.501.204)	12.084.467.010
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<u>643.336.368.184</u>	<u>644.930.869.388</u>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.566.265.887	-	1.569.479.480	-
Công cụ, dụng cụ	321.262.350	-	347.484.330	-
Hàng hoá	145.382.688.711	-	63.401.510.019	-
	<b>147.270.216.948</b>	<b>-</b>	<b>65.318.473.829</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.077.936.153	335.401.023
Chi phí bảo hiểm	82.343.777	63.753.220
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.641.715.893	893.888.260
	<b>2.801.995.823</b>	<b>1.293.042.503</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hoá (*)	198.162.166.312	201.191.937.846
Giá trị thương hiệu phát sinh từ cổ phần hoá	221.884.568	813.570.704
Lợi thế sử dụng đất tại cửa hàng xăng dầu	22.805.269.256	23.718.043.698
Chi phí san lấp mặt bằng	17.936.068.702	18.544.071.034
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.929.695.445	10.782.066.025
	<b>247.055.084.283</b>	<b>255.049.689.307</b>

(\*) Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hoá thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế địa lý đất thuê đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Công ty, được xác định và phê duyệt khi Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 05 năm 2011.

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2021	563.260.158.526	26.288.914.799	48.885.100.177	3.389.069.590	443.408.998	642.266.652.090
Tăng trong năm	12.933.513.356	350.453.818	415.690.597	426.720.455	-	14.126.378.226
Giảm trong năm	-	(1.505.000.000)	-	-	-	(1.505.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	576.193.671.882	25.134.368.617	49.300.790.774	3.815.790.045	443.408.998	<b>654.888.030.316</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2021	280.148.737.854	19.563.997.882	38.747.690.603	3.150.234.970	427.462.370	342.038.123.679
Khấu hao trong năm	21.669.655.142	1.211.280.500	1.500.735.775	142.267.419	15.946.628	24.539.885.463
Giảm trong năm	-	(1.505.000.000)	-	-	-	(1.505.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	301.818.392.996	19.270.278.382	40.248.426.377	3.292.502.389	443.408.998	<b>365.073.009.142</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2021	283.111.420.672	6.724.916.917	10.137.409.574	238.834.620	15.946.628	300.228.528.411
Tại ngày 31/12/2021	274.375.278.886	5.864.090.235	9.052.364.397	523.287.656	-	<b>289.815.021.174</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 118.190.052.607 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 108.040.980.651 VND).

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tăng trong năm	1.163.389.317	1.163.389.317
Tại ngày 31/12/2021	1.163.389.317	1.163.389.317
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Khấu hao trong năm	36.355.917	36.355.917
Tại ngày 31/12/2021	36.355.917	36.355.917
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	1.127.033.400	1.127.033.400

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	272.433.845.586	3.454.276.528	275.888.122.114
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	272.433.845.586	3.454.276.528	275.888.122.114
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	9.107.071.565	3.454.276.528	12.561.348.093
Khấu hao trong năm	1.028.992.532	-	1.028.992.532
Tại ngày 31/12/2021	10.136.064.097	3.454.276.528	13.590.340.625
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	263.326.774.021	-	263.326.774.021
Tại ngày 31/12/2021	262.297.781.489	-	262.297.781.489

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2021 VND	Phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển khác VND	31/12/2021 VND
Mua sắm tại cửa hàng					
- CH Phương Nhân					
Cần Thơ	9.090.909	-	-	-	9.090.909
- Mái phao bồn 20.000 m <sup>2</sup>	-	1.981.818.181	(1.981.818.181)	-	-
- Mái phao bồn T04 20.000 m <sup>3</sup>	-	1.600.000.000	(1.600.000.000)	-	-

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	01/01/2021	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển khác	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản					
- Kho cảng xăng dầu					
Cái Mép (giai đoạn 2)	56.164.171.321	-	-	-	56.164.171.321
- Khu đất Đầm Bà Tài - Hải Phòng	820.562.061	-	-	-	820.562.061
- Tích hợp quản lý hàng hoá cửa hàng xăng dầu	200.000.000	-	-	-	200.000.000
- Tự động hoá xuất hàng - Xí nghiệp Hoà Hiệp	110.000.000	-	-	-	110.000.000
- Bể chứa nước 1.500m <sup>3</sup> kho An Hải	149.479.845	-	-	-	149.479.845
- Đường ống xăng dầu – Petec Hoà Hiệp Đà Nẵng	-	415.690.597	(415.690.597)	-	-
- Công trình khác	64.800.000	-	-	-	64.800.000
Sửa chữa tại kho An Hải, Phú Định và Cái Mép	902.654.077	9.504.168.950	(9.273.995.175)	(210.489.187)	922.338.665
Sửa chữa tại Hoà Hiệp	-	292.488.091	-	-	292.488.091
Sửa chữa máy bơm foam	-	22.840.000	-	(22.840.000)	-
	<b>58.420.758.213</b>	<b>13.817.005.819</b>	<b>(13.271.503.953)</b>	<b>(233.329.187)</b>	<b>58.732.930.892</b>

**5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con (1)	74.447.968.267	74.447.968.267
Đầu tư vào công ty liên kết (2)	37.917.867.223	37.917.867.223
Đầu tư dài hạn khác (3)	32.408.321.443	32.408.321.443
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(34.852.198.704)	(34.876.558.324)
	<b>109.921.958.229</b>	<b>109.897.598.609</b>

(1) Các khoản đầu tư vào công ty con:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long	40.000.000.000	- (*)	40.000.000.000	- (*)
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	24.256.787.384	(5.561.863.854) (*)	24.256.787.384	(5.561.863.854) (*)
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	10.191.180.883	(8.391.017.983) (*)	10.191.180.883	(8.415.377.603) (*)
	<b>74.447.968.267</b>	<b>(13.952.881.837)</b>	<b>74.447.968.267</b>	<b>(13.977.241.457)</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(2) Các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	17.018.550.356	-	(*)	17.018.550.356	-	(*)
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	20.899.316.867	(20.899.316.867)	(*)	20.899.316.867	(20.899.316.867)	(*)
	<b>37.917.867.223</b>	<b>(20.899.316.867)</b>		<b>37.917.867.223</b>	<b>(20.899.316.867)</b>	

(3) Các khoản đầu tư dài hạn khác:

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	4.736.610.000	-	(*)	4.736.610.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Âu Lạc	24.424.732.914	-	(*)	24.424.732.914	-	(*)
Công ty Cổ phần VLXD và Chất đốt Đồng Nai	3.246.978.529	-	(*)	3.246.978.529	-	(*)
	<b>32.408.321.443</b>	-		<b>32.408.321.443</b>	-	

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

**Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết**

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tại ngày đầu năm	34.876.558.324	35.664.216.884
Trích lập / (hoàn nhập) trong năm	(24.359.620)	(787.658.560)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>34.852.198.704</b>	<b>34.876.558.324</b>

*Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long</b> - Nhận cung cấp dịch vụ	6.411.000.000	6.061.496.000



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

<b>Công ty Cổ phần Cà Phê Petec</b>				
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.959.938.226		20.007.723.455	
<b>Công ty Cổ phần Petec Bình Định</b>				
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.923.399.900		25.508.748.000	
<b>Công ty Cổ phần Kho vận Petec</b>				
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.595.956.365		2.711.964.000	
<b>5.13 Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
<b>5.13.1 Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	VND		VND	
<b>Phải trả các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	606.899.124.830		531.534.896.790	
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Các nhà cung cấp khác	8.062.011.883		2.382.393.494	
	<b>614.961.136.713</b>		<b>533.917.290.284</b>	
<b>5.13.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
	<b>31/12/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	VND		VND	
Công ty CP Hàng hải Dầu khí Hải Âu	147.252.000		147.252.000	
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Evo	70.000.000		70.000.000	
Công ty CP Xây dựng Lê Nguyễn	60.000.000		-	
Trung tâm Công nghệ môi trường – ENTEC	44.000.000		44.000.000	
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Công Chính	16.940.000		-	
Xí nghiệp DV và XL Thương mại Petrolimex	12.113.044		12.113.044	
Công ty CP TKXD Tư vấn đầu tư Nguyễn Gia Phát	12.100.000		12.100.000	
Công ty TNHH ĐTXD Đức Khải	11.832.452		11.832.452	
Công ty TNHH TMDV M&T	9.828.000		9.828.000	
Công ty TNHH MTV XD Thanh Dinh	9.460.955		9.460.955	
Công ty CP Đất Đò	8.470.000		8.470.000	
Công ty TNHH MTV QC Mỹ thuật Ứng dụng Nam Vie	6.190.712		6.190.712	
Công ty TNHH GOONE	5.885.000		5.885.000	
Công ty TNHH XD Điện nước Long Hải	3.658.803		3.658.803	
Công ty TNHH MTV QC Bảo Ngọc	3.202.760		3.202.760	
Quảng cáo Song Nguyễn	2.595.000		2.595.000	
Công ty TNHH MTV Minh Anh - Bình Phước	1.905.550		1.905.550	
Công ty TNHH TMDVT Lộc Thành Tài	1.220.958		1.220.958	
Công ty TNHH TM DV Quảng cáo Pha Phát	1.196.354		-	
Công ty TNHH TMDV NTG	-		8.436.250	
	<b>427.851.588</b>		<b>358.151.484</b>	
<b>5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
	<b>01/01/2021</b>	<b>Số phát sinh trong năm</b>		<b>31/12/2021</b>
	<b>Phải nộp</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Phải nộp</b>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.806.860.116	61.580.272.331	65.715.208.940	6.671.923.507
Thuế thu nhập cá nhân	81.459.337	365.263.542	305.465.004	141.257.875
Thuế bảo vệ môi trường (*)	58.038.185.471	570.929.873.335	571.322.378.947	57.645.679.859
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.706.742.814	5.706.742.814	-
	<b>68.926.504.924</b>	<b>638.582.152.022</b>	<b>643.049.795.705</b>	<b>64.458.861.241</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(\*) Tại ngày 24 tháng 10 năm 2017, Kiểm toán Nhà nước ra thông báo số 836/TB-KKNN về việc truy thu thuế bảo vệ môi trường giai đoạn 2015 – 2016 tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam, trong đó số tiền truy thu đối với Công ty (là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam) là 13.880.150.000 VND. Theo đó, ngày 14 tháng 11 năm 2017 Công ty đã có Văn bản số 005166/PTC-TCKT gửi Kiểm toán Nhà nước về việc giải trình số tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường, Công văn số 005346/PTC-TCKT ngày 27 tháng 11 năm 2017 gửi Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc phúc đáp Công văn số 15818/TB-CT ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc nộp thuế bảo vệ môi trường theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Công ty đã tiếp tục gửi Công văn số 002991/PTC-TCKT ngày 21 tháng 06 năm 2019 đến Kiểm toán Nhà nước kiến nghị liên quan đến vấn đề này và ngày 11 tháng 11 năm 2019 Công ty nhận được công văn số 13286/CT-TTHT từ Cục thuế TP. Hồ Chí Minh trả lời về việc kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, Công ty chưa hạch toán khoản tiền truy thu thuế bảo vệ môi trường nêu trên mà chờ kết quả xử lý kiến nghị.

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.490.074.962	(98.223.698.831)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	107.428.764	335.786.600
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.370.232.400)	(1.197.152.400)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.227.271.326</b>	<b>(99.085.064.631)</b>
Chuyển lỗ từ các năm trước	(11.227.271.326)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN còn phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

**5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – phạt trả chậm	79.706.879	2.881.418.694
<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	491.140.759	568.067.673
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	21.922.220	7.848.075
Công ty CP Dương Đông – Sài Gòn	493.106.027	1.361.477.809
Các khoản phải trả khác	5.984.268.397	255.679.756
	<b>7.070.144.282</b>	<b>5.074.492.007</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.15.2 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	9.070.250.000	10.060.000.000
	<b>9.070.250.000</b>	<b>10.060.000.000</b>

**5.15.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.16.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HD Bank)	-	-	21.980.000.000	21.980.000.000
	-	-	<b>21.980.000.000</b>	<b>21.980.000.000</b>

Đây là khoản vay không thế chấp của Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 743/20MN/HĐTĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng, với hạn mức 50.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:**

	01/01/2021 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền trả nợ vay trong năm VND	31/12/2021 VND
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	21.980.000.000	229.422.000.000	(251.402.000.000)	-
	<b>21.980.000.000</b>	<b>229.422.000.000</b>	<b>(251.402.000.000)</b>	-

**5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài Chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM	766.154.971	766.154.971	-	-
	<b>766.154.971</b>	<b>766.154.971</b>	-	-

Là khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 53.21.02/CTTC ngày 28 tháng 06 năm 2021, tài sản thuê tài chính là xe ô tô Toyota Fortuner. Thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê bằng lãi suất tiết kiệm loại tiền VND kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh TP. HCM công bố tại thời điểm giải ngân cộng biên độ 4,4%/năm.

**5.16.3 Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.17 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**

**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2020	2.488.774.701.456	(1.664.185.657.112)	824.589.044.344
Lỗi trong năm	-	(98.223.698.831)	(98.223.698.831)
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước (*)	-	(11.650.540.943)	(11.650.540.943)
Số dư 31/12/2020	2.488.774.701.456	(1.774.059.896.886)	714.714.804.570
Số dư 01/01/2021	2.488.774.701.456	(1.774.059.896.886)	714.714.804.570
Lãi trong năm	-	12.490.074.962	12.490.074.962
<b>Số dư 31/12/2021</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>(1.761.569.821.924)</b>	<b>727.204.879.532</b>

(\*) Là khoản điều chỉnh liên quan đến các năm trước theo Thông báo kết quả kiểm toán tại Tổng Công ty PETEC của Kiểm toán Nhà nước số 237/TB-KTNN ngày 21/08/2020.

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649476 cấp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 2.600.000.000.000 VND.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 các cổ đông Công ty đã góp 2.488.774.701.456 VND, số vốn còn chưa góp là 111.225.298.544 VND do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam chưa góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.353.025.701.456	94,55	2.353.025.701.456	94,55
Các cổ đông khác	135.749.000.000	5,45	135.749.000.000	5,45
	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>100,00</b>	<b>2.488.774.701.456</b>	<b>100,00</b>

**5.17.3 Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	248.877.470	248.877.470
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	248.877.470	248.877.470
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	248.877.470	248.877.470
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	248.877.470	248.877.470
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	248.877.470	248.877.470
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**5.18.1 Tài sản nhận giữ hộ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có nhận giữ hộ các tài sản sau:

Tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Phẩm chất
Xăng RON 95-không chì	Lít	6.071.785	Tốt
Xăng E5	Lít	1.027.340	Tốt
Dầu DO 0,05%S-II	Lít	14.050.389	Tốt
Dầu FO 3,5%S	Kg	5.337.625	Tốt

**5.18.2 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
Dola Mỹ (USD)	2.124,47	2.147,39
Euro (EUR)	281,10	292,02
Dola Singapore (SGD)	270,01	292,09

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Doanh thu thuần**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hoá	3.491.259.982.874	2.077.893.137.402
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.861.049.845	78.056.034.003
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.584.121.032.719</b>	<b>2.155.949.171.405</b>

**6.1.2 Doanh thu với bên liên quan**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.975.317.301	3.183.584.414
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	64.959.938.226	20.007.723.455
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	2.595.956.365	2.711.964.000
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	7.923.399.900	25.508.748.000
Công ty CP Dầu nhờn PVOIL	-	1.342.866.515
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	-	11.782.381
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	54.673.954.545	12.178.365.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	47.974.045.454	850.237.640
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	35.566.823.727	35.504.872.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	9.845.333.875
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	37.947.031.819	2.495.002.458
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên – Huế	17.235.400.000	2.008.100.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	31.630.500.000	6.937.712.264
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	30.997.654.545	860.968.322
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	71.409.400.000	13.284.374.843
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	721.994.818	5.757.801.364
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	101.639.136.002	62.219.360.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	47.208.900.806	49.078.457.727

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	37.895.663.636	3.650.425.410
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	-	4.637.170.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	3.339.520.000	4.713.000.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	40.408.900.000	5.910.543.058
Công ty CP Dầu khí Mê Kông	-	6.342.651
	<b>643.103.537.144</b>	<b>272.704.735.377</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng hoá	3.389.594.488.567	2.074.739.143.461
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	450.206.941	691.271.994
	<b>3.390.044.695.508</b>	<b>2.075.430.415.455</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	57.949.190	67.841.536
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.370.232.400	1.197.152.400
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	44.924	45.270
Doanh thu tài chính khác	141.612	-
	<b>1.428.368.126</b>	<b>1.265.039.206</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	1.349.947.634	219.726.570
Lãi chậm thanh toán	437.216.515	4.814.703.160
Chi phí / (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	(24.359.620)	(787.658.560)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.248	3.430
Chi phí tài chính khác	654.810	515.150
	<b>1.763.460.587</b>	<b>4.247.289.750</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	54.999.392.280	54.115.008.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.773.034.267	26.476.023.998
Chi phí bán hàng khác	58.362.516.327	56.626.743.251
	<b>139.134.942.874</b>	<b>137.217.775.344</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	23.205.757.860	14.634.267.782
Thuế, phí và lệ phí	6.272.259.238	6.238.339.746
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.797.384.400	18.910.863.019
	<b>42.275.401.498</b>	<b>39.783.470.547</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	226.363.636	4.090.909
Thu nhập từ được bồi thường	-	3.703.401.143
Các khoản thu nhập khác	247.067.213	62.566.372
	<b>473.430.849</b>	<b>3.770.058.424</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản phạt thuế	54.732.764	68.821.551
Các chi phí khác	259.523.501	2.460.195.219
	<b>314.256.265</b>	<b>2.529.016.770</b>

**6.9 Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.675.814.268	8.330.908.311
Chi phí nhân công	78.205.150.140	68.749.275.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.778.230.306	27.628.963.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.883.061.794	44.365.419.315
Chi phí khác	24.868.087.864	27.926.678.830
	<b>181.410.344.372</b>	<b>177.001.245.891</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá vốn hàng thương mại.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	229.502.430.000	65.087.560.000
	<b>229.502.430.000</b>	<b>65.087.560.000</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	251.402.000.000	43.107.560.000
Tiền trả nợ thuê tài chính	456.447.756	-
	<b>251.858.447.756</b>	<b>43.107.560.000</b>

## **8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.5 và đầu tư dài hạn khác được trình bày tại thuyết minh số 5.12.

### ***iii. Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>			
Các khoản vay	-	766.154.971	766.154.971
Phải trả người bán	614.961.136.713	-	614.961.136.713
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	6.732.081.303	9.070.250.000	15.802.331.303
	<b>621.693.218.016</b>	<b>9.836.404.971</b>	<b>631.529.622.987</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2021</b>			
Các khoản vay	21.980.000.000	-	21.980.000.000
Phải trả người bán	533.917.290.284	-	533.917.290.284
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	4.848.576.259	10.060.000.000	14.908.576.259
	<b>560.745.866.543</b>	<b>10.060.000.000</b>	<b>570.805.866.543</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

- Công ty không có thế chấp tài sản của mình cho một bên khác; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**iv. Giá trị hợp lý**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	87.676.295.545	87.913.612.067	87.676.295.545	87.913.612.067
Phải thu khác	20.309.749.441	21.349.373.499	20.309.749.441	21.349.373.499
Đầu tư dài hạn	32.408.321.443	32.408.321.443	32.408.321.443	32.408.321.443
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.915.440.292	25.142.209.764	33.915.440.292	25.142.209.764
	<b>174.309.806.721</b>	<b>166.813.516.773</b>	<b>174.309.806.721</b>	<b>166.813.516.773</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	766.154.971	21.980.000.000	766.154.971	21.980.000.000
Phải trả người bán	614.961.136.713	533.917.290.284	614.961.136.713	533.917.290.284
Các khoản chi phí phải trả, phải trả, phải nộp khác	15.802.331.303	14.908.576.259	15.802.331.303	14.908.576.259
	<b>631.529.622.987</b>	<b>570.805.866.543</b>	<b>631.529.622.987</b>	<b>570.805.866.543</b>

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở mục 5.2, 5.3, 5.12 và 5.14.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Ông Đỗ Hoàng Phúc	306.736.000	505.876.000
Ông Nguyễn Kim Sơn	323.682.000	376.218.000
Ông Mai Quang Vinh	-	160.323.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Ông Hoàng Anh Tuấn	417.591.000	329.577.000
Bà Diệp Thu Thủy	284.826.000	224.928.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Trần Văn Dương	547.686.000	512.132.000
Các thành viên khác trong Ban điều hành	1.633.163.000	989.476.000

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết ngoài các giao dịch tại mục 6.1.2 như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.868.188.146.353	2.035.262.962.488
Công ty CP Dầu nhờn PVOIL	194.280.715	468.374.100
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	2.251.355.153	1.694.036.004
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	12.067.989
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	4.527
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	5.245.454.545	916.331.406
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên – Huế	-	167.517.267
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	1.090.000.000	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	-	70.770
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	-	1.439.283.625
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	-	3.762.082
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	-	806.839.323
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	-	235.026.706
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	4.281.527.271	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	-	175.103.528
Công ty CP Dầu khí Mê Kông	8.407.272.728	186.952.990

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2, 5.3, 5.13 và 5.15.

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính bởi vì ban Tổng giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và trong lãnh thổ Việt Nam.

**9.3 Khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có số dư Nợ ngắn hạn lớn hơn số dư Tài sản ngắn hạn là 233.991.024.964 VND, trong đó khoản phải trả cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (công ty mẹ) là 606.899.124.830 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và thanh toán nợ đến hạn. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty hoạt động có lãi trong tương lai và đảm bảo đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn. Do vậy, các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN HANH HOÀNG**  
Người lập



**BÙI MINH HIỆP**  
Kế toán trưởng



**TRẦN VĂN DƯƠNG**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 2 năm 2022